GIẢI QUYẾT VƯỚNG MẮC TRONG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP

NGÔ THỊ THANH TÂM
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nhận bài ngày 02/4/2025. Sửa chữa xong 10/4/2025. Duyệt đăng 25/4/2025.

Abstract

The article analyzes some problems in legal regulations on the mortgage of land use rights and assets attached to industrial park land. Based on these analyses and assessments, the article proposes several solutions to improve the legal framework for mortgaging land use rights and assets attached to industrial park land.

Keywords: *Mortgage, land use rights, assets attached to land, industrial park.*

1. Đặt vấn đề

Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là một trong những quyền năng của người sử dụng đất. Đặc biệt, đối với các nhà đầu tư quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất góp phần rất lớn trong huy động vốn (thường là thông qua hình thức vay) phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tương tự như vậy, các nhà đầu tư trong khu công nghiệp (KCN) cũng mong muốn có thể thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để làm tài sản bảo đảm trong các giao dịch kinh doanh, thương mại. Trong thời gian vừa qua với sự ra đời của Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023... đã mang đến nhiều thay đổi quan trọng và tác động tích cực đến quyền của người sử dụng đất trong KCN nói riêng, trong đó có quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong KCN thực hiện quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuận lợi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản hướng dẫn, giải thích rõ ràng hơn nữa những quy định này.

2. Khát quát chung về quyền sử dụng đất khu công nghiệp

Dưới góc độ pháp lý, hiện nay, khái niệm KCN được quy định trong Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý KCN và khu kinh tế. Theo đó: "KCN là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và cung ứng dịch vụ cho sản xuất công nghiệp" (Khoản 16 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020). KCN có những đặc điểm như sau: 1) Được thành lập bởi một quyết định pháp lý; 2) Có ranh giới địa lý xác định, tách biệt với dân cư; 3) Mục đích thành lập là để tập trung sản xuất công nghiệp.

Trên cơ sở khái niệm KCN, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP định nghĩa: "Đất KCN được định nghĩa là đất xây dựng các công trình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung; kể cả nhà lưu trú công nhân trong KCN, công trình dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công trình hạ tầng và các công trình khác trong KCN, khu công nghệ thông tin tập trung" (điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) hay có thể hiểu một cách khái quát rằng: Đất KCN là phần diện tích đất được sử dụng phục vụ cho mục đích xây dựng KCN. Để xây dựng một KCN thì cần thiết phải có một phần diện

Email: thanhtam85ml@gmail.com

tích đất tự nhiên rất lớn. Do đó thường để quy hoạch mỗi KCN thì phải có sự tính toán một cách thận trọng, kỹ lượng nhằm nhằm tránh lãng phí tài nguyên.

Các nhà đầu tư trong KCN chia thành hai nhóm:

1) Nhà đầu tư sơ cấp là nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN. Luật Đất đất năm 2024 xác định: Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (cụm công nghiệp). Trường hợp KCN nào không thu hút được nhà đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thì Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (Điều 202). Tức là, thông thường thì nhà đầu tư có được quyền sử dụng đất KCN thông qua hình thức nhà nước cho thuê đất, đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập là chủ đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng thì có được quyền sử dụng đất KCN thông qua hình thức giao đất, cho thuê đất.

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 và Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản 2023 thì chủ đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã; có ngành, nghề kinh doanh bất động sản. Quy định này phù hợp với thực tiễn vì đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN đòi hỏi chủ thể phải có năng lực tài chính, năng lực quản lý ở một mức độ nhất định. Những chủ thể như cá nhân, hộ kinh doanh, tổ hợp tác... với quy mô nhỏ, năng lực quản lý hạn chế rất khó có khả năng thực hiện hoạt động đầu tư này [6].

2) Nhà đầu tư thứ cấp là các nhà đầu tư thuê lại một phần đất trong KCN để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nhà đầu tư thứ cấp trong KCN có được quyền sử dụng đất thông qua hợp đồng (kinh doanh, thương mại) thuê lại đất. Khác với quy định về nhà đầu tư sơ cấp, pháp luật không giới hạn chủ thể được quyền thuê lại đất KCN. Do đó, bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng có thể có quyền thuê lại đất KCN để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng cũng phải bỏ vốn xây dựng những hạng mục hạ tầng nhất định như: đường giao thông, hệ thống công trình bảo vệ môi trường công cộng, nhà điều hành... Thậm chí nhiều chủ đầu tư sơ cấp còn bỏ vốn xây dựng từng khu nhà xưởng độc lập. Nhà đầu tư thứ cấp cũng phải bỏ vốn tạo lập các hạng mục hạ tầng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhà đầu tư sơ cấp, nhà đầu tư thứ cấp trong KCN đều là chủ sử dụng đất nên việc xác định quyền và nghĩa vụ (trong đó có quyền thế chấp) của những chủ thể này có ý nghĩa không chỉ đối với chính họ mà còn giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền dễ dàng hơn trong quá trình quản lý đất KCN.

3. Bất cập trong quy định về thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khu công nghiệp

3.1. Bất cập trong quy định xác định phạm vi quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khu công nghiệp

Hiện nay, Luật Đất đai năm 2024 xác định quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN của chủ đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN như sau:

- Đối với tổ chức kinh tế trong nước được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam, tại tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật (điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Đất đai 2024).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN được thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam, tại tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật (khoản 1, khoản 2 Điều 33 Luật Đất đai 2024).

- Đối với tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm có các quyền thế

chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam, tại tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật (điểm b khoản 1 Điều 34 Luật Đất đai 2024).

- Đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: 1) Nếu được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm có quyền thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam; 2) Nếu được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam (Khoản 2, Khoản 3 Điều 41 Luật Đất đai 2024).

Nghiên cứu quy định trên của Luật Đất đai 2024, tác giả thấy còn một số vướng mắc, bất cập so với thực tiễn như sau:

- Luật Đất đai 2024 đang thiếu quy định về quyền thế chấp đất quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhà đầu tư thứ cấp trong KCN. Theo đó, Điều 37 của Luật này quy định về quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của cá nhân thuê lại đất trong KCN; Điều 43 của Luật này quy định về quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trong KCN của người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuê lại đất trong KCN. Như vậy, Luật Đất đai 2024 thiếu quy định về quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của tổ chức kinh tế trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Quy định này không đảm bảo sự công bằng giữa các chủ thể thuê lại đất trong KCN.

- Luật Đất đai 2024 đang hạn chế quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN trong một số trường hợp. Hầu hết những trường hợp thuê đất, thuê lại đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất; còn đối với trường hợp thuê đất, thuê lại đất trả tiền thuê đất hàng năm thì có quyền thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất. Những hạn chế này là không cần thiết bởi vì việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN được thực hiện bởi hợp đồng mang tính chất dân sự (theo nghĩa rộng) giữa chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất KCN và cá nhân, tổ chức khác trong xã hội (thường là các tổ chức tín dụng). Do đó, việc nhà nước giới hạn phạm vi quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN là đang hành chính hóa một quan hệ mang tính chất dân sự (theo nghĩa rộng). Các bên sẽ tự thỏa thuận, tự nhận thức được những rủi ro từ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN và đưa ra quyết định hợp lý.

Hơn nữa, nếu chỉ cho phép thế chấp tài sản gắn liền với đất (mà không cho phép thế chấp quyền sử dụng đất) thì các chủ thể cũng khó triển khai quyền này trên thực tế. Bởi vì, trong trường hợp này nếu phải xử lý tài sản thế chấp mà tài sản đó gắn liền với đất KCN thì các phương án chuyển nhượng, nhận chính tài sản đó... đều không khả thi.

3.2. Bất cập trong quy định về quyền thế chấp khi đất được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Hiện nay, theo điểm b khoản 3 Điều 33 Luật Đất đai 2024 có quy định cho phép nhận thế chấp dự án đầu tư có mục đích kinh doanh được nhà nước miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Người sử dụng đất KCN cũng có thể thuộc những trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Do đó, quy định này cũng tác động đến quyền thế chấp quyền sử dụng đất KCN của các chủ đầu tư. Tuy nhiên đến nay chưa có quy định hướng dẫn về khoản tiền được miễn, giảm có được ghi trong hợp đồng cho thuê đất giữa nhà nước và chủ đầu tư để làm căn cứ xác định giá trị quyền sử dụng đất hay không. Chính điều đó làm cho cơ quan công chứng, cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất, đăng ký giao dịch đảm bảo lúng túng trong việc xử lý và đang ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người sử dụng đất KCN.

3.3. Thiếu các quy định về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khu công nghiệp

Trước đây, Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành (điểm a khoản 2 Điều 81 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014) đã có hướng dẫn về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất,

tài sản gắn liền với đất. Có một số học giả đã phân tích tính bất cập trong những quy định đó khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN. Bởi vì, nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất của nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN nên biện pháp "chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho người khác để thu hồi nợ hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bán đấu giá quyền sử dụng đất mà không cần có sự đồng ý của bên thế chấp" hoặc "bên thế chấp chuyển quyền sử dụng đất đó thành tài sản của chính mình" là không khả thi. Bởi vì, việc chuyển nhượng, bán đấu giá, chuyển quyền sử dụng đất KCN thành tài sản của bên nhận thế chấp phải tuân theo quy chế pháp lý đặc thù đối với đất KCN [7]. Những bất cập này chưa được Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành giải quyết thấu đáo.

4. Giải pháp nhằm hoàn thiện quy định về thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khu công nghiệp

Quyền sử dụng đất KCN có nhiều đặc thù so với quyền sử dụng các loại đất khác. Đặc biệt, chủ đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN và chủ đầu tư thuê lại đất KCN (nhà đầu tư thứ cấp) đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Quyền sử dụng đất của nhà đầu tư thứ cấp độc lập với quyền sử dụng đất của nhà đầu tư sơ cấp. Do đó, quá trình hoàn thiện quy định của pháp luật về thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN cần lưu ý đến những đặc trưng này.

4.1. Cho phép nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, nhà đầu tư thuê lại đất trong KCN có quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất (mà không phân định thành các trường hợp như hiện nay). Bởi vì, chính các đơn vị nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN tự nhận định rủi ro của hợp đồng thế chấp và quyết định việc có giao kết hợp đồng hay không. Quy định như vậy tạo điều kiện cho các nhà đầu tư có thêm cơ hội huy động vốn nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, quy định này cũng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho tổ chức tín dụng trong việc xác định giá trị và nhận tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm. Và ở điểm này, chúng tôi đồng ý với quan điểm của tác giả Lê Duy Khang và Bạch Ngọc Vân khi cho rằng nên cho phép đối với chủ thể thuê, thuê lại đất trong KCN mà trả tiền thuê đất hàng năm thì được thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất tại tổ chúc tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam và các tổ chức được cấp phép xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng [8].

4.2. Nhà nước sớm có văn bản hướng dẫn chi tiết quy định về xác định số tiền thuê đất mà chủ đầu tư được nhà nước miễn, giảm. Cơ quan nhà nước thực hiện việc cho thuê đất phải xác định số tiền đó và ghi trong hợp đồng cho thuê đất. Thông qua đó, bên nhận thế chấp (thường là các tổ chức tín dụng) có thêm cơ sở để xác định giá trị quyền sử dụng đất và quyết định mức tiền cho vay. Từ đó sẽ giúp mở rộng, tạo cơ hội cho tổ chức tín dụng cũng như khách hàng có thêm quyền nhận thế chấp - thế chấp đối với các trường hợp này.

4.3. Pháp luật đã thừa nhận quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của chủ đầu tư trong KCN thì phải thừa nhận quyền của bên nhận thế chấp. Theo đó, pháp luật xây dựng quy định theo hướng cho phép bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất KCN hoặc chủ thể cho vay tiền (thường là tổ chức tín dụng) nhận chính quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN để thay thế cho việc thanh toán nợ của bên thế chấp sẽ được chủ đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng ưu tiên cho thuê đất theo mục đích đã được xác định trong hợp đồng thuê lại đất ban đầu giữa chủ đầu tư kết cấu hạ tầng và bên thế chấp (nếu có mong muốn). Tức là, các chủ thể này được ưu tiên trở thành bên thuê mới trong hợp đồng thuê lại đất với chủ đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN.

5. Kết luận

Với hơn 35 năm hình thành và phát triển các KCN, việc phát triển các KCN được xác định là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược, định hướng thu hút đầu tư và đã đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của Việt Nam. Các KCN trên cả nước đã thu hút được các dự án sử dụng công nghệ cao quy mô lớn. Mô hình KCN là mô hình phát triển có tính lâu dài của nước ta. Cùng với sự khẳng định vị trí của KCN đối với phát triển kinh tế - xã hội quốc gia thì

quy chế pháp lý về đất KCN ngày càng phải hoàn thiện để điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh. Song hiện nay, quy định pháp luật về đất KCN trong đó có các quy định về thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất còn chưa được giải thích rõ ràng gây khó khăn cho quá trình áp dụng. Do đó, trong thời gian tới đây cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng, cá nhân và tổ chức có liên quan khác thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất KCN.

Tài liệu tham khảo

[1] Đăng Khoa (2024), *Những điểm mới của Luật Kinh doanh bất động sản 2023: Đảm bảo quyền lợi người mua và thuê mua*, nguồn: https://tapchitoaan.vn, ngày 8/5/2024.

[2] Lưu Trần Phương Thảo (2023), *Pháp luật về quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp từ thực tiễn Thành phố Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 125-126

[3] Lê Duy Khang, Bạch Ngọc Vân (2023), *Góp ý hoàn thiện dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) về quy định đối với đất khu công nghiệp*, Tạp chí Luật học, số 8, tr. 110-121.

[4] Quốc hội (2013), *Luật Đất đai*, Luật số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013.

[5] Quốc hội (2024), *Luật Đất đai*, Luật số 31/2024/QH15, ngày 18/01/2024.

[6] Chính phủ (2014), *Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.*

[7] Chính phủ (2022), *Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.*

[8] Chỉnh phủ (2024), *Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.*

PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM VI MÔ TẠI ẤN ĐỘ...

Tiếp theo trang 264

2.2.5. Ứng dụng công nghệ trong phát triển bảo hiểm vi mô

Việt Nam có thể học hỏi Ấn Độ trong việc sử dụng nền tảng số, ứng dụng di động và công nghệ AI. Cụ thể: (1) ứng dụng số hóa quy trình tham gia và bồi thường nhằm tiết giảm chi phí, tăng khả năng tiếp cận; (2) triển khai thanh toán điện tử qua ngân hàng, ví điện tử hoặc điện thoại di động; (3) sử dụng Big Data và AI để định phí, giám sát và tối ưu hóa quản lý rủi ro. Đồng thời, công nghệ có thể giúp tự động hóa các quy trình bán hàng, ký hợp đồng và xử lý bồi thường, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bảo hiểm vi mô.

3. Kết luận

Bảo hiểm vi mô đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng tiếp cận an sinh tài chính cho các nhóm dân cư thu nhập thấp, đặc biệt trong bối cảnh rủi ro ngày càng gia tăng. Thực tiễn tại Ấn Độ cho thấy, sự phát triển của bảo hiểm vi mô gắn liền với một khung pháp lý đồng bộ, minh bạch và sự tham gia hiệu quả của các chủ thể trung gian. Đối với Việt Nam, trong điều kiện khung pháp luật về bảo hiểm vi mô còn chưa hoàn thiện, việc nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm pháp lý từ Ấn Độ là cần thiết, nhằm định hướng xây dựng chính sách phù hợp, thúc đẩy sự phát triển bền vững của bảo hiểm vi mô, góp phần bảo đảm an sinh xã hội cho các đối tượng yếu thế.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thế Bính (2021), *Phát triển bảo hiểm vi mô tại Việt Nam*, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, số 24.

[2] Churchill & Michal Matul (2006), *Protéger les plus démunis, Guide de la micro-assurance (tạm dịch: Bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất: Hướng dẫn về bảo hiểm vi mô)*, Volume I, Genève: Bureau International du Travail & Fondation Munich Re, pp.12,13.

[3] Đỗ Thị Diên (2023), *Phát triển bảo hiểm vi mô ở Việt Nam*, Tạp chí Công thương, số 10.

[4] Department of Financial Services, Ministry of Finance, Government of India (2022), *Rules for the Pradhan Mantri Suraksha Bima Yojana (With effect from 1.6.2022) (tạm dịch: Quy tắc của Chương trình Pradhan Mantri Suraksha Bima Yojana (PMSBY).*

[5] International Lobour Organization (2015), *India: self-employed women's association insurance scheme (Gujarat) (tạm dịch: Ấn Độ: Chương trình bảo hiểm của Hiệp hội Phụ nữ Tự Kinh doanh (bang Gujarat),* nguồn: https://www.ilo.org/sites/default/files/wcmsp5/groups/public/%40ed_protect/%40soc_sec/documents/publication/wcms_secsoc_6588.pdf?

[6] Insurance Regulatory and Development Authority of India (IRDAI) (2015), *Micro Insurance Regulations (tạm dịch: Hướng dẫn về Bảo hiểm vi mô).*